



Số: 107<sup>KT</sup>/KNH

## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

**Tên mẫu:** Nước sạch mạng cấp nhà máy nước Bình Điền - Hộ gia đình tại thôn Thuận Lợi, xã Bình Điền, Thành phố Huế

**Nơi gửi mẫu:** Công ty cổ phần cấp nước Huế

**Địa chỉ:** 103 Bùi Thị Xuân, phường Thuận Hóa, thành phố Huế

**Nơi sản xuất:** Nhà máy nước Bình Điền

**Địa chỉ:** Thôn Thuận Lộc, xã Bình Điền, Thành phố Huế

**Ngày nhận mẫu:** 13/05/2026 **Số lượng mẫu:** 2 lít

**Thời gian kiểm nghiệm:** từ 13/05/2026 đến 16/06/2026

**Mô tả mẫu:** Mẫu đựng trong can nhựa vận kín.

**Mã số mẫu:** 26DV1005

**Thời gian lưu mẫu:** Không lưu mẫu

**Kết quả kiểm nghiệm:**

| TT             | Chỉ tiêu kiểm nghiệm | Phương pháp kiểm nghiệm | Đơn vị | Kết quả              |
|----------------|----------------------|-------------------------|--------|----------------------|
| 1 <sup>a</sup> | Arsenic (As)         | KNH/QTTN/TP-141         | mg/L   | KPH<br>(LOD:0,00187) |
| 2 <sup>b</sup> | Bari (Ba)            | EPA Method 200.8        | mg/L   | 0,013                |
| 3 <sup>a</sup> | Chlorpyrifos         | KNH/QTTN/TP-130         | µg/L   | KPH<br>(LOD: 1,0)    |
| 4 <sup>a</sup> | Clorotoluron         | KNH/QTTN/TP-129         | µg/L   | KPH<br>(LOD: 1,0)    |
| 5 <sup>b</sup> | Cyanazine            | CASE.SK.0067 (2018)     | µg/L   | KPH<br>(LOD:0,05)    |
| 6 <sup>b</sup> | Hydroxyatrazine      | CASE.SK.0067 (2018)     | µg/L   | KPH<br>(LOD: 0,05)   |

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện LOD của phương pháp thử)

Huế, ngày 16 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Thanh Xuân

- Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu đem thử  
- Thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp theo Phiếu gửi mẫu và yêu cầu thử nghiệm  
- (a): phép thử được công nhận ISO/IEC 17025; (b): phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ; (c): phép thử chưa được công nhận; ( ): phép thử đạt GLP  
- Các bản trích sao kết quả này sẽ không có giá trị nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm thành phố Huế

Số: 1036 /KNH



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

**Tên mẫu:** Nước sạch mạng cấp nhà máy nước Bình Điền-Hộ gia đình tại thôn Đông Hòa, xã Bình Điền, Thành phố Huế

**Nơi gửi mẫu:** Công ty cổ phần cấp nước Huế

**Địa chỉ:** 103 Bùi Thị Xuân, phường Thuận Hóa, thành phố Huế

**Nơi sản xuất:** Nhà máy nước Bình Điền

**Địa chỉ:** Thôn Thuận Lộc, xã Bình Điền, Thành phố Huế

**Ngày nhận mẫu:** 13/05/2026 **Số lượng mẫu:** 2 lít

**Thời gian kiểm nghiệm:** từ 13/05/2026 đến 16/06/2026

**Mô tả mẫu:** Mẫu đựng trong can nhựa vắn kín.

**Mã số mẫu:** 26DV1004

**Thời gian lưu mẫu:** Không lưu mẫu

**Kết quả kiểm nghiệm:**

| TT             | Chỉ tiêu kiểm nghiệm | Phương pháp kiểm nghiệm | Đơn vị | Kết quả              |
|----------------|----------------------|-------------------------|--------|----------------------|
| 1 <sup>a</sup> | Arsenic (As)         | KNH/QTTN/TP-141         | mg/L   | KPH<br>(LOD:0,00187) |
| 2 <sup>b</sup> | Bari (Ba)            | EPA Method 200.8        | mg/L   | 0,013                |
| 3 <sup>a</sup> | Chlorpyrifos         | KNH/QTTN/TP-130         | µg/L   | KPH<br>(LOD: 1,0)    |
| 4 <sup>a</sup> | Clorotoluron         | KNH/QTTN/TP-129         | µg/L   | KPH<br>(LOD: 1,0)    |
| 5 <sup>b</sup> | Cyanazine            | CASE.SK.0067 (2018)     | µg/L   | KPH<br>(LOD:0,05)    |
| 6 <sup>b</sup> | Hydroxyatrazine      | CASE.SK.0067 (2018)     | µg/L   | KPH<br>(LOD: 0,05)   |

Ghi chú: - KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện LOD của phương pháp thử)

Huế, ngày 16 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC

Ngô Thị Thanh Xuân

- Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu đem thử  
- Thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp theo Phiếu gửi mẫu và yêu cầu thử nghiệm  
- (a): phép thử được công nhận ISO/IEC 17025; (b): phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ; (c): phép thử chưa được công nhận; (:): phép thử đạt GLP  
- Các bản trích sao kết quả này sẽ không có giá trị nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm thành phố Huế



Số: 1035 /KNH

## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

**Tên mẫu:** Nước sạch bể chứa nhà máy nước Bình Điền, Thành phố Huế  
**Nơi gửi mẫu:** Công ty cổ phần cấp nước Huế  
**Địa chỉ:** 103 Bùi Thị Xuân, phường Thuận Hóa, thành phố Huế  
**Nơi sản xuất:** Nhà máy nước Bình Điền  
**Địa chỉ:** Thôn Thuận Lộc, xã Bình Điền, Thành phố Huế  
**Ngày nhận mẫu:** 13/05/2026 **Số lượng mẫu:** 2 lít  
**Thời gian kiểm nghiệm:** từ 13/05/2026 đến 16/06/2026  
**Mô tả mẫu:** Mẫu đựng trong can nhựa vại kín.  
**Mã số mẫu:** 26DV1003  
**Thời gian lưu mẫu:** Không lưu mẫu  
**Kết quả kiểm nghiệm:**

| TT             | Chỉ tiêu kiểm nghiệm | Phương pháp kiểm nghiệm | Đơn vị | Kết quả              |
|----------------|----------------------|-------------------------|--------|----------------------|
| 1 <sup>a</sup> | Arsenic (As)         | KNH/QTTN/TP-141         | mg/L   | KPH<br>(LOD:0,00187) |
| 2 <sup>b</sup> | Bari (Ba)            | EPA Method 200.8        | mg/L   | 0,013                |
| 3 <sup>a</sup> | Chlorpyrifos         | KNH/QTTN/TP-130         | µg/L   | KPH<br>(LOD: 1,0)    |
| 4 <sup>a</sup> | Clorotoluron         | KNH/QTTN/TP-129         | µg/L   | KPH<br>(LOD: 1,0)    |
| 5 <sup>b</sup> | Cyanazine            | CASE.SK.0067 (2018)     | µg/L   | KPH<br>(LOD:0,05)    |
| 6 <sup>b</sup> | Hydroxyatrazine      | CASE.SK.0067 (2018)     | µg/L   | KPH<br>(LOD: 0,05)   |

**Ghi chú:** - KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện LOD của phương pháp thử)

Huế, ngày 16 tháng 06 năm 2026

GIÁM ĐỐC



Ngô Thị Thanh Xuân

- Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu đem thử  
- Thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp theo Phiếu gửi mẫu và yêu cầu thử nghiệm  
- (a): phép thử được công nhận ISO/IEC 17025; (b): phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ; (c): phép thử chưa được công nhận; ( ): phép thử đạt GLP  
- Các bản trích sao kết quả này sẽ không có giá trị nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm thành phố Huế